

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY CHUYÊN ĐỀ NGỮ VĂN LỚP 10
GV: Lê Thị Hiệp

CHUYÊN ĐỀ 2. SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC

Môn: Ngữ văn 10

Số tiết: 10 tiết

MỤC TIÊU CHUNG CHUYÊN ĐỀ 2

- Hiểu thế nào là sân khấu hóa tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hóa một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC TỔNG QUÁT

1. MỤC TIÊU

2. Mức độ/ yêu cầu cần đạt

- Hiểu thế nào là sân khấu hóa tác phẩm văn học.

2. Năng lực

3. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. Năng lực riêng

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** Sách chuyên đề Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

2. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

3. **Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

4. **Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

5. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem một video ngắn về một vở kịch trong “Chí Phèo” do các học sinh diễn và đặt câu hỏi: Em hãy cho biết tác phẩm văn học được sân khấu hóa trong video vừa rồi là tác phẩm nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: Tác phẩm văn học được sân khấu hóa trong video vừa rồi là *Chí Phèo* của Nam Cao.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Các tác phẩm văn học trước nay vẫn là nguồn cảm hứng cho sân khấu và điện ảnh. Để hiểu rõ hơn về sân khấu hóa tác phẩm văn học, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.

1. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khám phá Tri thức tổng quát

1. **Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm, hình thức và ý nghĩa của hoạt động sân khấu hóa tác phẩm văn học.

2. **Nội dung:** HS sử dụng sách chuyên đề, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận: đọc kiến thức trong phần <i>Tri thức tổng quát</i>, tóm tắt lại bằng sơ đồ tư duy và trình bày trước lớp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận. GV hỗ trợ khi cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Sân khấu hóa tác phẩm văn học - Sân khấu là không gian được thiết kế một cách đặc biệt để dành cho hoạt động trình diễn. Sân khấu vừa là không gian dành cho diễn viên, những người đóng vai trò trực quan hóa thế giới hình tượng của văn bản ngôn từ, vừa là không gian dành cho khán giả thưởng thức phần trình diễn. - Sân khấu còn là không gian tạm thời, được thiết lập tùy thời điểm ở một vị trí thích hợp nào đó, phục vụ cho nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của một nhóm khán giả nhất định. - Sân khấu hóa tác phẩm văn học là hoạt động chuyển thể một tác phẩm văn học để đem biểu diễn dưới hình thức một vở kịch, vở chèo, vở cải lương, vở tuồng hay một tiết mục thuộc các loại hình nghệ thuật khác như múa, múa rối, nhạc kịch,... - Sân khấu hóa tác phẩm văn học còn bao gồm các hoạt động trình diễn như ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học. Hiện nay, tác phẩm văn học được sân khấu hóa còn có thể có đời sống trên những nền tảng đa phương tiện như clip video, webdrama (tiểu phẩm công chiếu trên mạng),... Các hình thức sân khấu hóa tác phẩm văn học - Sân khấu hóa để minh họa tác phẩm văn học. - Sân khấu hóa để phóng tác tác phẩm văn học. Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hóa Sân khấu hóa tác phẩm văn học chính là hoạt động mở rộng đời sống của tác phẩm văn học, làm cho tác phẩm văn học được sống trong hình thức một loại hình nghệ thuật khác, có thể
--	---

	hiện hữu trong một không gian – thời gian khác.
--	---

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

2. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

3. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

4. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS kể tên những tác phẩm văn học đã được chuyển thể sang kịch hay phim.

- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Dự kiến sản phẩm: *Mê Thảo – Thời vang bóng* là bộ phim được chuyển thể từ tiểu thuyết *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuân; *Làng Vũ Đại* ngày ấy là bộ phim được chuyển thể từ *Chí Phèo* và *Lão Hạc* của Nam Cao;...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

PHẦN 1. TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. MỤC TIÊU

2. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Hiểu thế nào là sân khấu hóa tác phẩm văn học.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ trong văn bản sân khấu.

2. Năng lực

3. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lời nói dối cuối cùng*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Lời nói dối cuối cùng*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Có sự trung thực và tấm lòng nghĩ cho người khác.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

- 2. **Chuẩn bị của học sinh:** Sách chuyên đề Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

2. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

3. **Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

4. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã từng nói dối hay chưa? Hãy kể về một lần nói dối của em. Vì sao em lại phải nói dối?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản *Lời nói dối cuối cùng*.

1. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

1. **Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về văn bản.

2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sách chuyên đề, nêu những nét chính về tác giả Lưu Quang Vũ và vở kịch <i>Lời nói dối cuối cùng</i> . Bước 2: Thực hiện NV - HS đọc kiến thức trong sách chuyên đề, chuẩn bị trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), là nhà thơ, nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Việt Nam thời kì hiện đại. - Ông đã viết gần 50 vở kịch. Các vở kịch do ông viết đều được dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu của các đoàn nghệ thuật trong cả nước, gây được tiếng vang với cả công chúng và giới nghiên cứu, phê bình. - Năm 2000, Lưu Quang Vũ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. 2. Văn bản

nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Kịch bản <i>Lời nói dối cuối cùng</i> được in trong tuyển tập <i>Nàng Xi-ta và những vở kịch khai thác tích truyện dân gian</i> . Đây là tuyển tập bao gồm 5 vở kịch khai thác từ tích truyện dân gian: <i>Nàng Xi-ta</i> ; <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> ; <i>Ông vua hóa hổ</i> ; <i>Linh hồn của đá</i> và <i>Lời nói dối cuối cùng</i> . - Vở kịch được biên soạn dựa trên những câu chuyện dân gian về nhân vật <i>Cuội như Nói dối như Cuội</i> , <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> và bài ca dao <i>Thằng Bờm có cái quạt mo</i> ,...
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

1. **Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật của văn bản.
2. **Nội dung:** HS sử dụng sách chuyên đề, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
NV1: Bước 1: Chuyển giao NV - GV lần lượt đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời: + So với truyện dân gian “Nói dối như Cuội” và “Sự tích chú Cuội cung trăng”, vở kịch “Lời nói dối cuối cùng” có những nhân vật mới nào? Các nhân vật đó có vai trò gì trong vở kịch? + Khi xây dựng hình tượng nhân vật Cuội, tác giả đã tiếp thu và cải biên những gì so với truyện dân gian? Sự tiếp thu và cải biên đó có thuyết phục hay không? Vì sao?	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Hình tượng nhân vật Cuội a. Sự tiếp nhận và sáng tạo các truyện dân gian <table><tr><th>Phương diện so sánh</th><th>Nói dối như Cuội</th><th>Sự tích chú Cuội cung trăng</th><th>Lời nói dối cuối cùng</th></tr><tr><td>Nhân vật</td><td colspan="3">Cuội</td></tr></table>	Phương diện so sánh	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng	Nhân vật	Cuội		
Phương diện so sánh	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng						
Nhân vật	Cuội								

+ So sánh đoạn kết của truyện dân gian <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> với đoạn kết vở kịch của Lưu Quang Vũ, em thấy có điểm gì khác nhau? Ý nghĩa của sự khác nhau đó là gì? Bước 2: Thực hiện NV - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: + Các nhân vật mới trong kịch bản của Lưu Quang Vũ có vai trò thể hiện nội tâm của con người, giữa một bên là khát vọng cuộc sống ấm no và một bên là khát vọng làm người lương thiện. + Sự tiếp thu và cải biên khi xây dựng hình tượng nhân vật Cuội có sức thuyết phục. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. NV2: Bước 1: Chuyển giao NV - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập cho các nhóm, yêu cầu thảo luận và hoàn thành:				chính			
				Đặc điểm của nhân vật chính	- Nói dối thể hiện bản tính khôn vật, lợi dụng sự tham lam, ngu dốt của người khác.	- Không nói dối. - Dùng cây thần chữa bệnh cứu người. - Bay lên cung trăng một cách bị động.	- Nói dối vì mục đích tốt: muốn giúp đỡ người khác. - Là sự kết hợp giữa hình tượng nhân vật Cuội của cả hai truyện dân gian <i>Nói dối như Cuội</i> và <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> . - Bay lên cung trăng một cách chủ động, thể hiện tư tưởng của vở kịch.
				Nhân vật phụ	Chú thím của Cuội, thằng hủi, viên quan, nhà	Mẹ con hổ, ông lão, phú ông, con gái	Cô Lụa, mẹ cô Lụa, thằng Bờm, công tử Lân, nhà vua, quận chúa, cô Sim, Nha,
Phương diện so sánh	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng				

Nhân vật chính					vua, voi, chim,...	phú ông – vợ của Cuội, con chó,...	Điền,...
Đặc điểm của nhân vật chính							
Nhân vật phụ					Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.	Không gian làng quê.	Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.
Không gian							
Thông điệp							
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ							
- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.							
Bước 3: Báo cáo kết quả							
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.							
Bước 4: Nhận xét, đánh giá							
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.							
NV3:							
Bước 1: Chuyển giao NV							
- GV đặt câu hỏi: Cuộc đối thoại giữa Lụa và Cuội thể hiện mâu thuẫn gì? Các mâu thuẫn đó được thể hiện bằng ngôn ngữ như thế nào? Ngôn ngữ đó có gì khác so với ngôn ngữ giao tiếp thông thường?							
- GV hướng dẫn HS xem lại đoạn đối thoại giữa Lụa và Cuội, gợi ý HS các từ ngữ và cụm từ ngữ được lặp đi lặp lại							
					Không gian	Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.	Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.
					Thông điệp	Phê phán thói tham lam và sự ngu dốt.	Lí giải hiện tượng tự nhiên. - Thể hiện mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng. - Khẳng định giá trị của sự trung thực: <i>đổi cho sạch, rách cho thơm.</i> à Phù hợp với một vở kịch hiện đại: nhân vật có nội tâm phong phú và phù hợp để thể

trong đoạn đối thoại.				hiện tư tưởng của tác giả.
Bước 2: Thực hiện NV - HS nghe hướng dẫn của GV, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.				
Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.				
Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.				
NV4:				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo bàn: <i>Có thể xem việc tác giả đưa vào vở kịch nhân vật Bờm (vốn ở trong một bài ca dao không nằm trong chùm truyện dân gian về Cuội) là một phá cách, sáng tạo hay không? Vì sao?</i>				
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.				
Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một HS đọc lại bài ca dao về thằng Bờm. - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.				
Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.				
NV5:				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	b. Mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng - Các từ ngữ và cụm từ ngữ được lặp đi lặp lại trong đoạn đối thoại: <i>những</i>			

- GV yêu cầu HS tổng kết về nội dung và nghệ thuật của văn bản. + Thông qua vở kịch, Lưu Quang Vũ đã đề cập vấn đề gì trong đời sống đương đại? + Mặc dù lấy tích truyện cổ dân gian và đã được viết cách đây vài chục năm, nhưng điều gì đã khiến cho vở kịch vẫn có sức sống với đương đại? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	<i>trò mưu mẹo gian dối, thật lòng, thành thật, nói dối, bịp bợm, kẻ gian dối lừa lọc, người trung hậu, chất phác, gian dối, mưu mẹo, tốt lành, xấu xa, lừa bịp, ...</i> à Mâu thuẫn trong cuộc đối thoại giữa Lua và Cuội là mâu thuẫn giữa ý định tốt đẹp, vì người khác với hành động nói dối, lừa lọc của nhân vật Cuội, đằng sau đó là mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng, giữa thực tế và mơ ước. * Nghệ thuật: Ngôn ngữ trong kịch bản và ngôn ngữ trên sân khấu thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân, cho thấy được suy nghĩ, cảm xúc, tính cách của nhân vật, gây được ấn tượng rõ và mạnh, khiến người đọc, người xem chú ý và ghi nhớ. 2. Hình tượng nhân vật Bòm - Được coi là đại diện cho tính cách thật thà, chất phác. à Việc đưa nhân vật này vào vở kịch có thể tạo nên sự so sánh với nhân vật Cuội, và có thể coi là một sự phá cách, sáng tạo của tác giả khi sử dụng kết hợp các nguồn tư liệu dân gian khác nhau để tạo nên tuyến nhân vật trong tác phẩm của mình. III. Tổng kết 1. Nội dung – ý nghĩa Mặc dù lấy tích truyện cổ dân gian và được viết cách đây vài chục năm, nhưng vở kịch vẫn chứa đựng những thông điệp có ý nghĩa thời sự đối với con người đương đại. Chuyện nói dối
---	---

	mà Lưu Quang Vũ đề cập đến trong vở kịch là chuyện luôn tồn tại ở mọi thời đại, thậm chí có những lúc là chuyện phổ biến. Quan điểm của tác giả ở đây là, dẫu không phải không có lúc cần nói dối, thì xét cho cùng, một xã hội tốt đẹp vẫn là xã hội được xây dựng trên cơ sở niềm tin vào sự trung thực. Đây cũng là vấn đề đáng được quan tâm, suy ngẫm trong bất cứ thời đại nào. 2. Nghệ thuật - Xây dựng hình tượng nhân vật dựa vào sự tiếp thu và sáng tạo các truyện dân gian, tạo nên sự gần gũi và mới lạ cho vở kịch. - Ngôn ngữ thể hiện được suy nghĩ, tính cách của nhân vật, đồng thời nêu lên được thông điệp của vở kịch.
--	---

1. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG: XEM VỞ DIỄN

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học. Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả, câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, mời một HS đọc các câu hỏi cho vở diễn, yêu cầu HS sau khi xem vở diễn trả lời câu hỏi. + <i>Câu hỏi 1: Đọc thông tin về</i>	IV. Xem vở diễn * Trả lời câu hỏi và tổng kết: Câu 1. Vở diễn trên sân khấu là một sáng tạo của tập thể, trong đó không chỉ có đạo diễn, biên kịch mà tất cả diễn viên, họa sĩ, biên đạo múa,... cùng góp phần đồng sáng tạo nên vở kịch. Mỗi thành viên trong ê-kíp sản xuất, bằng trải

ê-kíp sản xuất của vở kịch *Lời nói dối cuối cùng năm 2016* và cho biết vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch.

+ Câu hỏi 2: *Bạn nhận xét như thế nào về cách sử dụng ngôn ngữ hình thể của diễn viên trên sân khấu? Ngôn ngữ hình thể ấy đóng vai trò gì trong việc thể hiện nhân vật?*

+ Câu hỏi 3: *Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua những yếu tố nào trong các lời đối thoại trên sân khấu?*

+ Câu hỏi 4: *Không gian sân khấu khác không gian đời thực ở điểm nào? Làm thế nào để có thể vừa truyền tải được thông điệp nghệ thuật, vừa đem lại cho người xem cảm giác sống động, tự nhiên nhất?*

+ Câu hỏi 5: *Các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ có tác dụng gì?*

+ Câu hỏi 6: *So sánh kịch bản sân khấu và vở diễn, bạn có nhận xét gì về những cải biên của đạo diễn và diễn viên?*

+ Câu hỏi 7: *Làm thế nào để một vở diễn vốn được dàn dựng dựa trên truyện cổ dân gian và được viết từ hơn hai mươi năm trước lại có thể gần gũi và hấp dẫn những người xem đương đại?*

nghiệm cuộc sống, cảm nhận riêng của mình, sẽ đem lại cho kịch bản một cách tiếp cận riêng, một đời sống riêng. Vì thế, mỗi lần công diễn là một lần kịch bản văn học được tái sinh trong một hình hài mới, mang một thông điệp mới.

Câu 2. Ngôn ngữ hình thể không chỉ giúp bộc lộ nội tâm, tính cách, số phận của nhân vật, mà còn là một yếu tố ước lệ nhằm biểu đạt những thông tin khác trong một vở kịch như thời gian, không gian và những thông điệp quan trọng trong vở diễn.

Câu 3. Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua các lời đối thoại để miêu tả bối cảnh, giúp người đọc có thể hình dung được không khí của các tình huống, sự kiện, hành động trong vở kịch.

Câu 4. – Không gian sân khấu là không gian ước lệ. Nó vừa cố gắng mô phỏng đời sống thực, vừa cố gắng khắc phục những hạn chế của sân khấu để mở rộng tối đa khả năng biểu hiện đời sống, vừa trực quan hóa các yếu tố của kịch bản để người xem có thể hình dung ra bối cảnh, không khí của vở kịch, đồng thời lại phải tạo nên sự hấp dẫn thị giác đối với người xem. Vì thế, nó vừa giống, nhưng lại vừa khác với không gian thực.

- Tất cả yếu tố trên sân khấu như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, phong nền, bố cục,... đều mang ý nghĩa biểu tượng, và được sắp đặt một cách thống nhất, chặt chẽ, nhằm làm nổi bật thông điệp.

Câu 5. Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ có tác dụng làm nổi bật diễn xuất của diễn viên, hỗ trợ biểu đạt nội tâm của nhân vật, tạo không khí cho vở kịch, đồng thời mang ý nghĩa biểu tượng và góp phần làm nổi bật thông điệp.

+ <i>Câu hỏi 8: Việc sân khấu hóa có tác động như thế nào tới số phận của tác phẩm văn chương?</i> - GV cho HS xem vở diễn trên lớp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV và HS cùng xem vở kịch. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	Câu 6. Khi đưa kịch bản lên sân khấu, đạo diễn đã phải thêm các yếu tố về hoạt cảnh, âm thanh, ánh sáng; các diễn viên đã phải nhập vai, thể hiện diễn xuất của mình mà không chỉ bao gồm lời thoại. Câu 7. Vở diễn đã đề cập đến những vấn đề muôn thuở của nhân loại, có ý nghĩa trong mọi thời đại, đó là vấn đề sự thật và dối trá. Các nghệ sĩ cũng lồng ghép rất nhiều vấn đề đương đại vào trong vở kịch, tạo nên sự đồng cảm nơi người xem. Đồng thời, cách bài trí sân khấu, hóa trang và diễn xuất,... cũng tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn với người xem. Câu 8. Sân khấu hóa cũng là một hoạt động tiếp nhận văn học. Đó là một hoạt động tiếp nhận đặc biệt, trong đó người đọc không phải là một cá nhân mà là một tập thể đạo diễn, biên kịch, diễn viên, họa sĩ..., mỗi người tiếp nhận sẽ đem lại một góc nhìn, cách kiến giải riêng về tác phẩm, đồng thời cũng tạo nên một hình tượng nghệ thuật thống nhất. Mặt khác, sân khấu hóa là quá trình chuyển dịch ngôn ngữ văn học, một chất liệu phi vật thể sang ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, một chất liệu vật thể trực quan, cảm tính. Quá trình chuyển dịch đó khiến cho hình tượng văn học bị biến đổi. Sân khấu hóa cũng là quá trình đương đại hóa tác phẩm, khiến cho các hình tượng văn học trở nên gần gũi hơn với người xem đương đại. Quá trình sân khấu hóa, vì vậy, là quá trình làm sống lại tác phẩm, tạo cho tác phẩm một sức sống mới.
--	---